

PHỤ LỤC
BẢNG ĐỐI CHIẾU CÁC NHÓM VĂN BẢN, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-KHTC ngày tháng năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ST T	CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ, KÝ HIỆU; NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LIÊN QUAN	NỘI DUNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I. VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI							
1	Quốc hội	Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025	Miễn học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở công lập; hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở dân lập, tư thục theo quy định.	Căn cứ cho chính sách miễn học phí, hỗ trợ học phí và xác định trách nhiệm cấp bù ngân sách.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu theo phân cấp.	Sở Tài chính; cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục do trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập.	Mục 1.1, 1.2, 1.3 và Mục 5 của Công văn
2	Quốc hội	Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023	Quy định quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; nguyên tắc quản lý, điều tiết giá; niêm yết giá, công khai thông tin về giá và các hoạt động có liên quan.	Căn cứ để cơ sở giáo dục dân lập, tư thục xây dựng, công khai và điều chỉnh mức học phí, giá dịch vụ giáo dục (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá); bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền và nghĩa vụ công khai giá.	Thủ trưởng cơ sở giáo dục dân lập, tư thục; cơ quan quản lý nhà nước về giá theo thẩm quyền.	Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu; người học và cha mẹ học sinh.	Mục 1.3.
II. VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ							
3	Chính phủ	Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025	Quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; thủ tục, phương thức cấp bù, chi trả, lập dự toán và quyết toán; mức học phí giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.	Là căn cứ cho toàn bộ nhóm chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ và công thức học phí tín chỉ, mô-đun.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu; cơ quan dự toán cấp trên.	Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước; các cơ sở giáo dục và người học.	Mục 1.1 đến 1.4; Mục 5.

ST T	CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ, KÝ HIỆU; NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LIÊN QUAN	NỘI DUNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
4	Chính phủ	Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026	Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; khoản 4 Điều 13 giao UBND cấp tỉnh quyết định chi tiết danh mục, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh, dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục.	Xác định thẩm quyền của UBND Thành phố và giới hạn thẩm quyền của cơ sở giáo dục, UBND cấp xã đối với các khoản thu dịch vụ.	UBND Thành phố; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu.	Sở Tài chính; UBND phường, xã, đặc khu; cơ sở giáo dục công lập.	Mục 2.1.
5	Chính phủ	Nghị định số 271/2026/NĐ-CP ngày 03/7/2026	Quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.	Căn cứ để rà soát, kiểm kê sách giáo khoa; xây dựng nhu cầu, dự toán, phương án mượn - trả, bảo quản và triển khai khi được bố trí kinh phí.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu theo phân cấp.	Sở Tài chính; các cơ sở giáo dục; thư viện trường học.	Mục 2.4.
6	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021	Phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.	Định hướng triển khai thanh toán điện tử, đa dạng kênh thanh toán và giảm giao dịch tiền mặt tại cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục.	Ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán được cấp phép; người học, cha mẹ học sinh.	Mục 6.
7	Thủ tướng Chính phủ	Công điện số 124/CD-TTg ngày 30/7/2025	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; tăng kết nối, sử dụng phương tiện thanh toán hợp pháp, an toàn, thuận tiện.	Yêu cầu cơ sở giáo dục thực hiện kết nối hệ thống thanh toán, bảo đảm an toàn thông tin và không tạo độc quyền cho một nhà cung cấp.	Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng cơ sở giáo dục.	Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại, trung gian thanh toán; người học, cha mẹ học sinh.	Mục 6.
III. VĂN BẢN CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							
8	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011	Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; quy định nguồn kinh phí, phạm vi chi và các nội dung không được sử dụng kinh phí Ban đại diện.	Căn cứ chấn chỉnh việc thu hộ, lập quỹ lớp/quỹ trường và sử dụng kinh phí Ban đại diện sai mục đích.	Thủ trưởng cơ sở giáo dục; Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Cơ quan quản lý giáo dục; giáo viên chủ nhiệm; cha mẹ học sinh.	Mục 3.

ST T	CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ, KÝ HIỆU; NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LIÊN QUAN	NỘI DUNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018	Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; nguyên tắc tự nguyện, công khai, quy trình vận động, tiếp nhận, sử dụng và báo cáo.	Căn cứ kiểm soát tài trợ, cấm bình quân hóa, giao chỉ tiêu, ép buộc và vận động khi chưa có kế hoạch được phê duyệt.	Thủ trưởng cơ sở giáo dục; cơ quan quản lý trực tiếp theo phân cấp.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu; tổ chức, cá nhân tài trợ.	Mục 3.
10	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19/7/2024	Quy định thực hiện công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Căn cứ công khai chất lượng, điều kiện bảo đảm chất lượng, học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện.	Thủ trưởng cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu; người học, cha mẹ học sinh.	Mục 7.
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 4294/BGDĐT-KHTC ngày 08/7/2026	Hướng dẫn thực hiện chính sách học phí, chính sách hỗ trợ người học và các khoản thu năm học 2026 - 2027; kiểm soát lạm thu; yêu cầu báo cáo tình hình thu và xử lý vi phạm.	Là căn cứ chỉ đạo trực tiếp của dự thảo; định hướng mức điều chỉnh học phí ngoài công lập, GDNN, công khai, thanh toán không dùng tiền mặt và chế độ báo cáo.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Sở Tài chính; UBND phường, xã, đặc khu; tất cả cơ sở giáo dục liên quan.	Phần căn cứ; Mục 1.3, 1.4, 6, 7, 8.
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 6646/BGDĐT-KHTC ngày 20/10/2025	Hướng dẫn thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục.	Căn cứ yêu cầu kết nối hệ thống thanh toán hợp pháp, đa dạng kênh và công khai phí dịch vụ thanh toán.	Sở Giáo dục và Đào tạo; thủ trưởng cơ sở giáo dục.	Ngân hàng, trung gian thanh toán; người học, cha mẹ học sinh.	Mục 6.
IV. VĂN BẢN CỦA BỘ TÀI CHÍNH							
13	Bộ Tài chính	Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017	Hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.	Căn cứ công khai dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán và kinh phí ngân sách hỗ trợ tại đơn vị công lập.	Thủ trưởng, kế toán trưởng/phụ trách kế toán đơn vị dự toán.	Cơ quan quản lý cấp trên; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước.	Mục 7.
14	Bộ Tài chính	Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC về công khai ngân sách.	Bổ sung căn cứ thực hiện công khai ngân sách của các đơn vị dự toán và đơn vị được ngân sách hỗ trợ.	Thủ trưởng, kế toán trưởng/phụ trách kế toán đơn vị dự toán.	Cơ quan quản lý cấp trên; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước.	Mục 7.

ST T	CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ, KÝ HIỆU; NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LIÊN QUAN	NỘI DUNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
15	Bộ Tài chính	Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024	Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.	Căn cứ tổ chức kế toán, mở sổ, lập chứng từ, hạch toán riêng từng hoạt động, lập báo cáo tài chính và quyết toán.	Thủ trưởng và bộ phận tài chính - kế toán cơ sở giáo dục công lập.	Cơ quan chủ quản; Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước; cơ quan thuế.	Mục 4 và Mục 8.1.
V. VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH							
16	HĐND Thành phố	Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025	Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố từ năm học 2025 - 2026.	Xác định mức học phí làm căn cứ ngân sách cấp bù đối với cơ sở công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu theo phân cấp.	Sở Tài chính; cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.	Mục 1.1.
17	HĐND Thành phố	Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025	Quy định mức hỗ trợ học phí đối với người học tại cơ sở dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông thuộc trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu.	Căn cứ xác định mức hỗ trợ, danh sách, thẩm định, chi trả và quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu theo phân cấp.	Sở Tài chính; cơ sở dân lập, tư thục; cơ sở do trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập.	Mục 1.2, 1.3 và Mục 5.
18	HĐND Thành phố	Nghị quyết số 80/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	Quy định chính sách đặc thù hỗ trợ trẻ em, học sinh, học viên có hoàn cảnh đặc biệt tại cơ sở giáo dục công lập: bữa ăn trưa, dịch vụ hỗ trợ giáo dục, hoạt động ngoài giờ và đồng phục.	Căn cứ rà soát đối tượng, tránh thu trùng phần ngân sách đã hỗ trợ và tổ chức chi trả đúng nội dung, mức, thời gian thực tế.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu theo phân cấp.	Sở Tài chính; các cơ sở giáo dục công lập; người học thuộc diện hỗ trợ.	Mục 2.2 và Mục 5.
19	HĐND Thành phố	Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập do trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập từ năm học 2025 - 2026.	Xác định mức học phí theo mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên; làm căn cứ hỗ trợ học phí và lập dự toán.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Sở Tài chính; các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục trực thuộc.	Mục 1.2 và Mục 5.
20	HĐND Thành phố	Nghị quyết số 82/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.	Xác định mức học phí làm căn cứ ngân sách cấp bù đối với cơ sở công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ quan quản lý trực tiếp.	Sở Tài chính; cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	Mục 1.1 và Mục 5.

ST T	CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ, KÝ HIỆU; NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LIÊN QUAN	NỘI DUNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
21	HĐND Thành phố	Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025	Quy định chính sách hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa và hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số.	Căn cứ rà soát đúng đối tượng, thực hiện hỗ trợ theo định mức, nguồn kinh phí, thời hạn và tránh trùng lặp chính sách.	Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND phường, xã, đặc khu theo nội dung chính sách.	Sở Tài chính; cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo; Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp.	Mục 5.
VI. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN, VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ							
22	UBND Thành phố	Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 23/3/2026	Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND; quy định quy trình rà soát, thẩm định, phê duyệt, chi trả, lập dự toán và trách nhiệm phối hợp.	Làm rõ trách nhiệm của Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, UBND cấp xã và cơ sở giáo dục khi thực hiện chính sách dân tộc thiểu số.	Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì chung; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phần thuộc cơ sở giáo dục do Sở quản lý; UBND cấp xã chủ trì phần thuộc địa bàn.	Sở Tài chính; Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố; cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo.	
23	UBND Thành phố	Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 06/4/2026	Triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế số Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026, trong đó có thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt.	Căn cứ địa phương để đẩy mạnh thanh toán điện tử trong các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ sở giáo dục.	Các sở, ngành liên quan; ngân hàng, trung gian thanh toán; người học, cha mẹ học sinh.	Mục 6.
24	UBND Thành phố	Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17/4/2019	Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT về tài trợ cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.	Cụ thể hóa trách nhiệm phê duyệt kế hoạch vận động, tiếp nhận, sử dụng và báo cáo tài trợ tại địa phương.	Cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp; thủ trưởng cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp xã; tổ chức, cá nhân tài trợ.	Mục 3.
25	Văn phòng UBND Thành phố	Công văn số 18473/VP-VX ngày 20/7/2026	Truyền đạt ý kiến Phó Chủ tịch UBND Thành phố giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì triển khai Công văn số 4294/BGDĐT-KHTC; phối hợp báo cáo tình hình thu và xử lý lạm thu.	Là căn cứ giao nhiệm vụ, phân công chủ trì, phối hợp và chế độ báo cáo của dự thảo.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Sở Tài chính; UBND phường, xã, đặc khu; cơ quan, đơn vị có liên quan.	Phần căn cứ và Mục 8.
VII. VĂN BẢN CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO							

ST T	CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ, KÝ HIỆU; NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LIÊN QUAN	NỘI DUNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
26	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 3107/SGDĐT-KHTC ngày 8 tháng 10 năm 2025	Triển khai Nghị quyết số 40/2025/NQ-HĐND về mức học phí đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.	Văn bản triển khai trực tiếp mức học phí làm căn cứ cấp bù đối với cơ sở công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.	Phòng Kế hoạch - Tài chính; thủ trưởng đơn vị trực thuộc Sở.	Các phòng thuộc Sở; cơ sở giáo dục công lập.	
27	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 4479/SGDĐT-KHTC ngày 12/11/2025	Hướng dẫn thực hiện chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025 - 2026.	Hướng dẫn chi tiết đối tượng, thủ tục, lập danh sách, cấp bù, chi trả, lập dự toán, quyết toán và trách nhiệm theo phân cấp.	Phòng Kế hoạch - Tài chính; UBND phường, xã, đặc khu theo phân cấp.	Cơ sở giáo dục công lập, ngoài công lập, GDNN-GDTX; cơ sở trực thuộc sở, ngành.	Mục 1.1, 1.3, 1.4 và Mục 5.
28	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 395/SGDĐT-KHTC ngày 15/01/2026	Triển khai Nghị quyết số 80/2025/NQ-HĐND về chính sách đặc thù hỗ trợ người học có hoàn cảnh đặc biệt.	Hướng dẫn đối tượng, hồ sơ, mức hỗ trợ, phân bổ dự toán, hồ sơ Kho bạc và chế độ báo cáo.	Phòng Kế hoạch - Tài chính; UBND phường, xã, đặc khu theo phân cấp.	Cơ sở giáo dục công lập; trường đại học và cơ sở thuộc sở, ngành có người học thụ hưởng.	Mục 2.2 và Mục 5.
29	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 585/SGDĐT-KHTC ngày 20/01/2026	Triển khai Nghị quyết số 83/2025/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người học là người dân tộc thiểu số.	Yêu cầu cơ sở giáo dục rà soát, phổ biến và thực hiện hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa, chi phí học tập đúng đối tượng.	Phòng Kế hoạch - Tài chính; thủ trưởng cơ sở giáo dục trực thuộc Sở.	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND phường, xã, đặc khu; cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo.	Mục 5.
30	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 1034/SGDĐT-KHTC ngày 02/02/2026	Triển khai Nghị quyết số 81/2025/NQ-HĐND và việc hỗ trợ học phí tại cơ sở giáo dục do trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập.	Hướng dẫn mức học phí, lập danh sách, thẩm định, chi trả, lập dự toán, báo cáo và quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí.	Phòng Kế hoạch - Tài chính; các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu có cơ sở giáo dục trực thuộc.	Sở Tài chính; cơ sở giáo dục trực thuộc; người học và cha mẹ/người giám hộ.	Mục 1.2 và Mục 5.
31	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 1036/SGDĐT-KHTC ngày 02/02/2026	Triển khai Nghị quyết số 82/2025/NQ-HĐND đối với cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	Hướng dẫn mức học phí làm căn cứ cấp bù, hồ sơ miễn học phí, phương thức cấp bù, thời gian hưởng và tuyên truyền.	Phòng Kế hoạch - Tài chính; thủ trưởng cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	Sở Tài chính; cơ quan chủ quản; người học và cha mẹ học sinh.	Mục 1.1 và Mục 5.

ST T	CƠ QUAN BAN HÀNH	SỐ, KÝ HIỆU; NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH LIÊN QUAN	NỘI DUNG ÁP DỤNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN	GHI CHÚ
32	Sở Giáo dục và Đào tạo	Kế hoạch số 6910/KH-SGDĐT ngày 14/7/2026	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ đầu năm học cho học sinh, học viên tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030; quy định mục tiêu, đối tượng, nội dung, tiến độ, kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện.	Căn cứ tổ chức khám sức khỏe định kỳ đầu năm học miễn phí; rà soát đúng đối tượng, phối hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện, lập dự toán, ký hợp đồng, cập nhật hồ sơ sức khỏe điện tử và không thu kinh phí từ người học, cha mẹ học sinh.	Phòng Học sinh, sinh viên; thủ trưởng các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở.	Sở Y tế; Sở Tài chính; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; người học và cha mẹ học sinh.	Mục 2.3.
33	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 7222/SGDĐT-HSSV ngày 21/7/2026	Triển khai tổ chức khám sức khỏe định kỳ đầu năm học cho học sinh, học viên năm học 2026 - 2027 và giai đoạn 2026 - 2030; phân công trách nhiệm đối với UBND phường, xã, đặc khu và các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.	Căn cứ xác định đối tượng thực tế cư trú trên địa bàn Thành phố, chưa được khám bằng chương trình sử dụng ngân sách nhà nước; yêu cầu lập danh sách chính xác, không trùng lặp, bảo đảm kinh phí theo phân cấp và không thu từ người học, cha mẹ học sinh.	Phòng Học sinh, sinh viên; UBND phường, xã, đặc khu; thủ trưởng các cơ sở giáo dục.	Sở Y tế; Sở Tài chính; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Mục 2.3.